

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN  
VỀ ĐỀ ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**  
(Kèm theo Báo cáo số 195 /BC-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Xã, phường, đặc khu	Tổng số thôn, bản, khu phố	Thành lập Tổ lấy ý kiến		Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình						
			Số lượng	Số thành viên tổ	Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số phiếu hợp lệ	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ (%)
	<b>TỈNH QUẢNG NINH</b>	1,452	2,563	10,315	387,751	385,597	99.44%	385,594	385,440	99.96%	154	0.04%	1	0.00%
1	Phường An Sinh	32	32	160	6,880	6,880	100.00%	6,880	6,879	99.99%	1	0.01%	0	0.00%
2	Phường Đông Triều	36	90	401	12,777	12,669	99.15%	12,669	12,667	99.98%	2	0.02%	0	0.00%
3	Phường Bình Khê	24	130	276	5,835	5,719	98.01%	5,719	5,719	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
4	Phường Mạo Khê	47	57	285	21,579	21,579	100.00%	21,579	21,577	99.99%	2	0.01%	0	0.00%
5	Phường Hoàng Quế	23	23	99	8,338	8,333	99.94%	8,333	8,325	99.90%	8	0.10%	0	0.00%
6	Phường Yên Tử	34	96	288	10,313	9,994	96.91%	9,994	9,991	99.97%	3	0.03%	0	0.00%
7	Phường Vàng Danh	32	185	555	10,887	10,811	99.30%	10,811	10,809	99.98%	2	0.02%	0	0.00%
8	Phường Uông Bí	33	33	165	14,948	14,948	100.00%	14,948	14,945	99.98%	3	0.02%	0	0.00%
9	Phường Đông Mai	22	22	110	5,387	5,387	100.00%	5,387	5,382	99.91%	5	0.09%	0	0.00%
10	Phường Hiệp Hòa	39	51	245	8,524	8,463	99.28%	8,463	8,455	99.91%	8	0.09%	0	0.00%
11	Phường Quảng Yên	37	86	325	8,864	8,864	100.00%	8,864	8,861	99.97%	3	0.03%	0	0.00%
12	Phường Hà An	24	24	72	5,366	5,327	99.27%	5,327	5,324	99.94%	3	0.06%	0	0.00%
13	Phường Phong Cốc	26	26	130	6,652	6,652	100.00%	6,652	6,649	99.95%	3	0.05%	0	0.00%
14	Phường Liên Hòa	31	36	160	7,763	7,763	100.00%	7,763	7,763	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
15	Phường Tuần Châu	16	64	192	4,230	4,230	100.00%	4,230	4,230	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
16	Phường Việt Hưng	25	25	125	12,926	12,926	100.00%	12,926	12,920	99.95%	6	0.05%	1	0.01%
17	Phường Bãi Cháy	17	17	73	9,096	9,096	100.00%	9,096	9,096	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
18	Phường Hà Tu	17	17	61	8,009	7,811	97.53%	7,811	7,806	99.94%	5	0.06%	0	0.00%
19	Phường Hà Lâm	22	192	576	13,761	13,761	100.00%	13,761	13,761	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
20	Phường Cao Xanh	15	45	225	9,128	9,128	100.00%	9,128	9,128	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
21	Phường Hồng Gai	22	44	195	12,302	12,285	99.86%	12,283	12,278	99.96%	5	0.04%	0	0.00%
22	Phường Hạ Long	27	27	104	13,352	13,352	100.00%	13,352	13,352	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
23	Phường Hoàn Bồ	32	51	233	7,513	7,513	100.00%	7,513	7,510	99.96%	3	0.04%	0	0.00%
24	Xã Quảng La	19	19	95	2,328	2,328	100.00%	2,328	2,326	99.91%	2	0.09%	0	0.00%
25	Xã Thống Nhất	24	24	126	4,468	4,393	98.32%	4,393	4,387	99.86%	6	0.14%	0	0.00%
26	Phường Mông Dương	18	18	90	4,989	4,989	100.00%	4,989	4,987	99.96%	2	0.04%	0	0.00%
27	Phường Quang Hanh	39	260	780	13,656	13,656	100.00%	13,656	13,651	99.96%	5	0.04%	0	0.00%
28	Phường Cẩm Phả	50	50	150	14,927	14,866	99.59%	14,865	14,859	99.96%	6	0.04%	0	0.00%
29	Phường Cửa Ông	55	144	662	18,360	18,360	100.00%	18,360	18,351	99.95%	9	0.05%	0	0.00%
30	Xã Hải Hòa	12	12	60	1,537	1,537	100.00%	1,537	1,537	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
31	Xã Tiên Yên	26	46	138	5,559	5,559	100.00%	5,559	5,556	99.95%	3	0.05%	0	0.00%
32	Xã Điền Xá	15	15	75	1,495	1,495	100.00%	1,495	1,493	99.87%	2	0.13%	0	0.00%
33	Xã Đông Ngũ	23	23	69	4,300	4,300	100.00%	4,300	4,299	99.98%	1	0.02%	0	0.00%
34	Xã Hải Lạng	12	12	62	2,313	2,254	97.45%	2,254	2,249	99.78%	5	0.22%	0	0.00%
35	Xã Hoàn Mô	22	23	82	2,048	2,048	100.00%	2,048	2,048	100.00%	0	0.00%	0	0.00%

STT	Xã, phường, đặc khu	Tổng số thôn, bản, khu phố	Thành lập Tổ lấy ý kiến		Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình						
			Số lượng	Số thành viên tổ	Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số phiếu hợp lệ	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ (%)
36	Xã Lục Hồn	29	29	113	2,245	2,175	96.88%	2,175	2,174	99.95%	1	0.05%	0	0.00%
37	Xã Bình Liêu	35	35	175	3,712	3,681	99.16%	3,681	3,674	99.81%	7	0.19%	0	0.00%
38	Xã Lương Minh	15	15	66	1,406	1,406	100.00%	1,406	1,405	99.93%	1	0.07%	0	0.00%
39	Xã Kỳ Thượng	20	30	90	1,399	1,382	98.78%	1,382	1,375	99.49%	7	0.51%	0	0.00%
40	Xã Ba Chẽ	38	38	188	4,226	4,224	99.95%	4,224	4,223	99.98%	1	0.02%	0	0.00%
41	Xã Quảng Tân	31	45	288	4,513	4,513	100.00%	4,513	4,510	99.93%	3	0.07%	0	0.00%
42	Xã Đầm Hà	39	39	208	6,502	6,424	98.80%	6,424	6,423	99.98%	1	0.02%	0	0.00%
43	Xã Cái Chiên	3	3	18	226	226	100.00%	226	226	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
44	Xã Quảng Hà	53	53	265	11,054	10,882	98.44%	10,882	10,880	99.98%	2	0.02%	0	0.00%
45	Xã Đường Hoa	31	31	155	4,260	4,201	98.62%	4,201	4,199	99.95%	2	0.05%	0	0.00%
46	Xã Quảng Đức	25	25	75	3,145	3,056	97.17%	3,056	3,051	99.84%	5	0.16%	0	0.00%
47	Xã Hải Sơn	7	7	35	1,479	1,327	89.72%	1,327	1,322	99.62%	5	0.38%	0	0.00%
48	Xã Hải Ninh	14	24	73	2,807	2,807	100.00%	2,807	2,801	99.79%	6	0.21%	0	0.00%
49	Xã Vĩnh Thực	7	7	33	1,539	1,539	100.00%	1,539	1,539	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
50	Phường Móng Cái 1	37	37	333	10,747	10,397	96.74%	10,397	10,389	99.92%	8	0.08%	0	0.00%
51	Phường Móng Cái 2	18	21	110	7,034	7,034	100.00%	7,034	7,034	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
52	Phường Móng Cái 3	17	20	101	5,914	5,914	100.00%	5,914	5,914	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
53	Đặc khu Vân Đồn	72	72	504	13,356	13,356	100.00%	13,356	13,354	99.99%	2	0.01%	0	0.00%
54	Đặc khu Cô Tô	13	13	41	1,777	1,777	100.00%	1,777	1,777	100.00%	0	0.00%	0	0.00%